

QUYẾT ĐỊNH

**Giao một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo
năm học 2013-2014**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2125/TTr-SGDĐT ngày 12/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

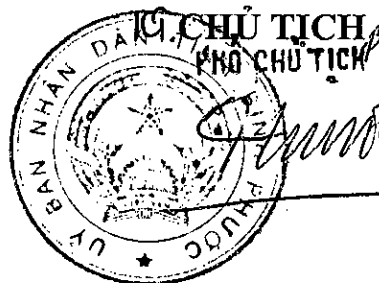
Điều 1. Giao một số chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2013-2014 (có bảng phân bổ chỉ tiêu kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng: VHXH, KTTH;
- Lưu: VT . 7k



Nguyễn Huy Phong

NỘI DUNG
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CƠ BẢN
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2013-2014

(Kèm theo Quyết định số: 1505/QĐ-UBND ngày 16/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Chỉ tiêu phát triển trường, lớp và học sinh:

Tiêu chí đầu năm	Tổng số	M/Giáo Nhà trẻ	Tiểu học	THCS	THPT	Ghi chú
Trường	443	136	171	104	33	Cả tư thực
Lớp/nhóm	7.461	1.182	3.580	1.904	791	
Học sinh đầu năm	222.205	39.209	93.712	62.437	26.847	

II. Trường chuẩn quốc gia:

+ Năm học 2012-2013 toàn tỉnh phấn đấu công nhận thêm 16 trường đạt chuẩn quốc gia gồm: 07 trường mầm non, 07 trường tiểu học (trong đó có 02 trường ngoài chỉ tiêu giao), 04 trường THCS, nâng tổng số trường chuẩn quốc gia toàn tỉnh lên 63/430 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 14,65% (và công nhận lại 03 trường).

+ Năm học 2013-2014: Toàn tỉnh phấn đấu công nhận mới: **24 trường chuẩn**. Trong đó: Mầm non thêm: 04 trường; tiểu học: 07 trường; THCS: 07 trường; THPT: 06 trường ;

Nâng tổng số trường chuẩn quốc gia toàn tỉnh lên: 87/431 trường, đạt tỷ lệ 19,72 % (không tính TTGD TX và tư thực);

1. Khôi huyện:

- 1.Thị xã Đồng Xoài: Mầm non Hương Dương, THCS Tân Đồng;
- 2.Thị xã Phước Long: TH Phước Tín A;
- 3.Thị xã Bình Long: TH Thanh Phú A và THCS Thanh Lương;
- 4.Huyện Chơn Thành: THCS Minh Long, TH Minh Thành, TH Minh Thắng, MN Minh Thành;
- 5.Huyện Bù Gia Mập: MN Phú Riêng B, TH Hai Bà Trưng, THCS Bù Nho,;
- 6.Huyện Lộc Ninh: TH TT Lộc Ninh A;
- 7.Huyện Hớn Quản: Mầm non Tân Hiệp, THCS Đồng Nơ;
- 8.Huyện Bù Đăng: THCS Phan Bội Châu;
- 9.Huyện Đồng Phú: TH Tân lập B;

10.Huyện Bù Đốp: THCS Thanh Bình;

11.Công nhận lại: (Đã đạt mức 1):

-Thị xã Đồng Xoài: TH Tân Bình;

-Thị xã Phước Long: TH Chu Văn An;

-Huyện Chơn Thành: TH Chơn Thành A, TH Minh Hưng A;

-Huyện Lộc Ninh: TH Lộc Hiệp

-Huyện Bù Gia Mập: TH Long Hà A;

-Huyện Bù Đốp: TH Thanh Bình A;

2.Khối trường trực thuộc Sở GD&ĐT :

-Trường THPT Bình Long

-Trường THPT Chơn Thành

-Trường THPT Đồng Xoài

-Trường THPT Đồng Phú

-Trường THPT Phước Bình

-Trường THPT Lộc Thái

III/TỶ LỆ HỌC SINH BỎ HỌC :

1.Tỷ lệ bỏ học chung của tỉnh:

Cấp học	Tiểu học		THCS (khối huyện)		THPT&PTTH		Toàn tỉnh	
	TSHS	Tỷ lệ	TSHS	Tỷ lệ	TSHS	Tỷ lệ	TSHS	Tỷ lệ
	93.712	0,05 %	57.706	0,8 %	31.772	1,03	183.190	0,46

2. Tỷ lệ nghỉ bỏ học các trường thuộc khối phòng Giáo dục và Đào tạo:
(Giao UBND huyện, thị xã chỉ đạo, tổ chức thực hiện)

Stt	Tên đơn vị	Bậc tiểu học		Bậc THCS	
		Tổng số Học sinh	Tỷ lệ bỏ học	Tổng số học sinh	Tỷ lệ bỏ học
1	Thị xã Đồng Xoài	8.700	0	6.451	0,3
2	Thị xã Phước Long	6.242	0	3.767	0,5
3	TX.Bình Long	4.669	0,04	3.764	0,4
4	Huyện Chơn Thành	6.828	0,03	3.709	0,6
5	Huyện Đồng Phú	7.738	0,01	4.192	0,3
6	Huyện Bù Đốp	5.300	0,08	3.167	1,9
7	Huyện Bù Gia Mập	17.958	0,09	10.331	1,2
8	Huyện Lộc Ninh	10.601	0,15	7.828	0,9
9	Huyện Hớn Quản	8.850	0,01	5.700	0,5
10	Huyện Bù Đăng	16.826	0,05	8.797	1,2
	Cộng	93.712	0,05	57.706	0,8

3. Tỷ lệ nghỉ bỏ học khỏi các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: (Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, tổ chức, thực hiện)

Stt	Tên Đơn vị	Tổng Số HS (kể cả C.2)	Số HS bỏ học chung	Tỷ lệ bỏ học chung
1	THPT chuyên Quang Trung	806	0	0,0
2	THPT chuyên Bình Long	215	0	0,0
3	THPT Đồng Xoài	1417	11	0,77
4	THPT Chu Văn An	720	08	1,1
5	THPT Trần Phú	680	08	1,2
6	THPT Lê Quý Đôn	750	10	1,3
7	THPT Nguyễn Du	1200	11	0,9
8	THPT Phước Long	819	08	0,98
9	THPT Chơn Thành	707	04	0,57
10	THPT Thanh Hòa	1049	10	1,0
11	THPT Nguyễn Huệ	960	10	1,0
12	THPT Phú Riềng	900	08	0,9
13	THPT Đồng Phú	1100	10	0,9
14	THPT Hùng Vương	1576	06	0,4
15	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	1050	12	1,15
16	THPT Bù Đăng	1400	13	0,9
17	THPT Lộc Ninh	1450	15	1,0
18	THPT Nguyễn Khuyến	850	09	1,0
19	THPT DTNT tỉnh	336	01	0,29
20	THPT Bình Long	1370	07	0,5
21	THPT Phước Bình	1605	05	0,3
22	THPT Lộc Thái	865	09	1,0
23	THPT Ngô Quyền	465	06	1,3
24	THPT Thống Nhất	508	08	1,5
25	THPT Lộc Hiệp	561	08	1,4
26	PT Cấp 2/3 Lương Thế Vinh	1483	30	2,0
27	PT Cấp 2/3 Tân Tiến	1064	15	1,5
28	PT Cấp 2/3 Đăng Hà	847	24	2,8
29	PT Cấp 2/3 Đồng Tiến	1047	10	1,0
30	PT Cấp 2/3 Đa Kia	1170	24	2,5
31	PT Cấp 2/3 Đắc Ô	1407	35	2,0
32	Võ Thị Sáu	815	16	2,0
33	PT Cấp 2/3 Nguyễn Bình Khiêm	580	08	1,5
	Cộng	31.772	326	1,03
		C.2:4.731		

IV. Tỷ lệ phổ cập giáo dục:

1. Các xã, phường, thị trấn thực hiện phổ cập mầm non 5 tuổi trong năm học 2013-2014 :

1.1 Thị xã Phước Long: Phường Phước Bình, phường Phước Long;

1.2 Thị xã Đồng Xoài: Tiếp tục duy trì 8/8 xã, phường, tỷ lệ 100%

1.3 Thị xã Bình Long: Xã Thanh Lương;

1.4 Huyện Bù Đăng: Thị trấn Đức Phong, xã Đoàn Kết, Đồng Nai, Đường 10, Đak Nhau, Bình Minh.

1.5 Huyện Bù Đốp: Xã Thiện Hưng, xã Thanh Hòa;

1.6 Huyện Bù Gia Mập: Xã Long Bình, Long Hà, Đức Hạnh, Phú Văn, Bình Sơn, Long Hưng, Bình Thắng;

1.7 Huyện Lộc Ninh: Xã Lộc Quang, Lộc Thạnh, Lộc Thuận;

1.8 Huyện Đồng Phú: Xã Thuận Lợi;

1.9 Huyện Hớn Quản: Xã Tân Hiệp, Tân Hưng;

1.10 Huyện Chơn Thành: Xã Quang Minh, xã Nha Bích;

2. Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi:

Có 12 đơn vị xã, phường phấn đấu đạt chuẩn.

+ Thị xã Đồng Xoài: Tiếp tục duy trì 8/8 xã, phường đạt chuẩn;

+ Thị xã Phước Long: Tiếp tục duy trì 7/7 xã, phường đạt chuẩn;

+ Thị xã Bình Long: Tiếp tục duy trì 6/6 xã, phường đạt chuẩn;

+ Huyện Chơn Thành: Tiếp tục duy trì 9/9 xã, phường đạt chuẩn

+ Huyện Đồng Phú: Tiếp tục duy trì 11/11 xã, phường đạt chuẩn;

+ Huyện Bù Đăng: Xã Đak Nhau, Đường 10, Đoàn Kết, Nghĩa Bình, Minh Hưng;

+ Huyện Bù Đốp: Xã Tân Tiến, xã Hưng Phước;

+ Huyện Bù Gia Mập: Xã Phước Minh, Đak-O, Phú Văn;

+ Huyện Hớn Quản: Xã Minh Tâm, Tân Hiệp.


3. Phổ cập trung học cơ sở: Tiếp tục duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS, tỷ lệ 100%;

4. Phổ cập trung học phổ thông: Có huyện Bù Gia Mập (xã Bù Nho).

5. Thực hiện Đề án nông thôn mới: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã có trách nhiệm tham mưu UBND huyện, thị xã chỉ đạo và đầu tư để thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới về giáo dục đối với các trường thuộc các xã tham gia. Cụ thể:

- Đồng Xoài: Tiến Hưng, Tân Thành.

- Bình Long: Thanh Lương, Thanh Phú.

- 
- Phước Long: Phước Tín, Long Giang.
 - Đồng Phú: Tân Phước, Tân Lập, Thuận phú.
 - Lộc Ninh: Lộc Hiệp, Lộc Hưng.
 - Bù Đốp: Tân Thành, Tiến Thành.
 - Bù Đăng: Đức Liễu, Minh Hưng.
 - Bù Gia Mập: Phú Nghĩa, Bù Gia Mập.
 - Chơn Thành: Minh Hưng, Minh Thành.
 - Hớn Quản: An Khương, Thanh Bình./.
-